|  |  |
| --- | --- |
| Ngày dạy: | Ngày soạn: |

Tiết theo KHBD:

**BÀI 39: BẢNG THỐNG KÊ VÀ BIỂU ĐỒ TRANH**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: WCD644**

**1. Về kiến thức:**

- HS biết đọc và phân tích được dữ liệu từ bảng thống kê và biểu đồ tranh.

- HS biết lập bảng thống kê và vẽ được biểu đồ tranh.

- Vận dụng được bảng thống kê và biểu đồ tranh giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê, biểu đồ tranh.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để lập được bảng thống kê, vẽ được một số biểu đồ tranh đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: bồi dưỡng thói quen thu thập thông tin, thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực, giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**(5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS hiểu được nếu nhìn vào dữ liệu ở dạng liệt kê thì khó có thể trả lời được câu hỏi đưa ra. Cần phải biểu diễn dữ liệu dưới một dạng khác.

**b) Nội dung:**

Bài toán (SGK trang 73)

Một cửa hàng bán quần áo muốn biết cỡ áo nào bán được nhiều nhất trong các cỡ S (Smail- Nhỏ), M (Medium- Vừa), L (Large- Lớn) nên yêu cầu nhân viên bán hàng ghi lại cỡ của một mẫu áo bán ra trong một tuần, kết quả thu được dãy dữ liệu như sau:

M, M, S, M, S, M, M, L, M, M, M, M, S, M, L, L, L, M, S, S, M,

M, L, M, M, M, S, M, M, S, S, L, M, S, M, M, M, S, L, L, M, L,

L, M, M, L, L, M, M, L, M, M, L, L, M.

Nhìn vào dãy dữ liệu này, nhân viên cửa hàng có thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất không?

**c) Sản phẩm:**

- Các nhóm HS trả lời được: Nhìn vào dãy dữ liệu này, nhân viên cửa hàng không thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4:  - Đọc Bài toán (SGK trang 73)  - Nhìn vào dãy dữ liệu này, nhân viên cửa hàng có thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất không.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Đọc Bài toán (SGK trang 73), gọi 1 HS đứng tại chỗ đọc lại bài toán.  - Thảo luận nhóm và viết câu trả lời cho bài toán vào giấy thảo luận chung.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả viết các câu trả lời.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các câu trả lời.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: vậy muốn biết cỡ áo nào bán nhiều nhất chúng ta làm như thế nào? | Bài toán (SGK trang 73)  Trả lời: Nhìn vào dãy dữ liệu này, nhân viên cửa hàng không thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (20 phút)

**Hoạt động 2.1: Bảng thống kê**

**a) Mục tiêu:**

- Hiểu được vì sao nên thống kê dữ liệu vào bảng.

- Giúp HS hoàn thiện bảng thống kê hoặc lập được bảng thống kê từ dữ liệu ở dạng liệt kê.

- Giúp HS làm quen với việc đọc và phân tích dữ liệu từ bảng thống kê.

**b) Nội dung:**

- Làm bài tập HĐ1,HĐ2 (SGK trang 73):

**HĐ1:** a) Hãy đếm xem cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu chiếc áo mỗi cỡ rồi thay các dấu “?” bằng số thích hợp trong bảng sau:

| Cỡ áo | S | M | L |
| --- | --- | --- | --- |
| Số lượng bán được | 10 | ? | ? |

b) Dựa vào bảng trên, hãy cho biết cỡ áo nào bán được nhiều nhất, cỡ áo nào bán được ít nhất.

**HĐ2:** Cho dãy số liệu về cân nặng (theo đơn vị kilôgam) của 15 học sinh lớp 6 như sau:

40, 39, 41, 45, 41, 42, 40, 42, 40, 41, 43, 40, 42, 45, 42.

1. Hãy lập bảng thống kê theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cân nặng (kg) | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 45 |
| Số học sinh | ? | ? | ? | ? | ? | ? |

b) Dựa vào bảng hãy cho biết có bao nhiêu bạn nặng 45 kilôgam?

- Làm ví dụ 1(SGK trang 73)

Cho bảng thống kê như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Hà Nội | Vĩnh Phúc | Bắc Ninh | Quảng Ninh |
| Diện tích (km2) | 3 358,6 | 1 235,2 | 822,7 | 6 178,2 |
| Dân số(nghìn người) | 7 520,7 | 1 092,4 | 1 247,5 | 1 266,5 |
|  |  |  |  |  |

*(Theo Tổng cục Thống kê, năm 2018)*

Bảng trên cho biết những thông tin gì?

**c) Sản phẩm:**.

- Lời giải bài tập HĐ1, HĐ2, ví dụ 1(SGK trang 73).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV(chiếu nội dung lên máy chiếu) gọi 1HS đọc HĐ1 sgk trang 73, yêu cầu học sinh hoạt động nhóm 4 làm bài tập HĐ1: a) Hãy đếm xem cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu chiếc áo mỗi cỡ rồi thay các dấu “?” bằng số thích hợp trong bảng.  b) Dựa vào bảng trên, hãy cho biết cỡ áo nào bán được nhiều nhất, cỡ áo nào bán được ít nhất.  - 2 nhóm làm nhanh nhất được treo bảng nhóm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS đọc bài tập ở HĐ1 SGK trang 73.  - HS làm bài tập HĐ1 theo nhóm, viết kết quả vào bảng nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV chọn 2 nhóm làm nhanh nhất treo bảng nhóm.  - Trả lời các câu hỏi: a) cỡ M: 30, L: 15.  b) Cỡ áo M bán được nhiều nhất, cỡ áo S bán được ít nhất.  - HS cả lớp quan sát nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét đánh giá bài làm. | 1. **Bảng thống kê:**   HĐ1: a) Ta có bảng sau:   | Cỡ áo | S | M | L | | --- | --- | --- | --- | | Số lượng bán được | 10 | 30 | 15 |   b) Cỡ áo M bán được nhiều nhất, cỡ áo S bán được ít nhất. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV cho HS thảo luận theo cặp đôi làm HĐ2 SGK trang 73 (trong 2 phút).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thảo luận cặp đôi làm HĐ2.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Yêu cầu HS nhóm nào làm nhanh nhất cử đại diện lên trình bày trên bảng.  - Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | HĐ2: a) Ta có bảng thống kê sau:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cân nặng (kg) | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 45 | | Số học sinh | 1 | 4 | 3 | 4 | 1 | 2 |   b) Có 2 bạn cân nặng 45kg. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS đọc VD1 trong SGK trang 73  - Yêu cầu cá nhân trong 3 phút trả lời VD1 trang 80 SGK.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Đọc VD1 trong SGK trang 73.  - Làm VD1 theo yêu cầu GV.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV gọi một vài em đứng tại chỗ trả lời.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả.  - GV giới thiệu bảng thống kê. | Ví dụ 1(SGK trang 73)  Giải:  - Bảng trên cho biết thông tin về diện tích,dân số của 4 tỉnh/thành phố là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh.  - Đơn vị đo diện tích là kilômét vuông và dân số tính theo đơn vị là nghìn người.     * **Các bảng thu được trong HĐ1, HĐ2 và bảng cho trong ví dụ trên được gọi là bảng thống kê.** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**(18 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS biết lập bảng thống kê.

**b) Nội dung:**

- Làm được các dạng bài tập: Bài 1, 2 (SGK trang 74).

Bài1) Cho các loại cây: bưởi, lúa, hồng xiêm, tỏi, hoa huệ, mít, ổi. Hãy xác định loại rễ (rễ cọc, rễ chùm) của mỗi cây rồi lập bảng thống kê về số lượng cây theo loại rễ.

Bài 2) Trong một kì thi quốc tế, các thành viên đội tuyển Việt Nam đạt được số điểm lần lượt là:

26 18 36 28 21 32

Biết rằng người ta phân loại huy chương theo điểm số như sau:

Từ 15 đến dưới 24 điểm: Huy chương đồng;

Từ 24 đến dưới 31 điểm: Huy chương bạc;

Từ 31 điểm trở lên: Huy chương vàng;

Em hãy lập bảng thống kê số lượng huy chương của đội tuyển Việt Nam trong kì thi này theo mẫu sau:

| Huy chương | Vàng | Bạc | Đồng |
| --- | --- | --- | --- |
| Số học sinh |  |  |  |

- Làm bài tập 9.11 SBT Trang 67.

Thời gian giải toán (tính bằng phút) của 14 học sinh được ghi lại như sau:

5 10 4 8 8 7 8 10 8 9 6 9 5 7

Lập bảng thống kê biểu diễn thời gian giải toán của 14 bạn học sinh theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời gian (phút) | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Số học sinh | 1 |  |  |  |  |  |  |

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải bài 1; 2; 9.11 (trong vở).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Đọc bài 1 (SGK trang 74) phần luyện tập.  - Hoạt động cặp đôi làm bài 1 (SGK trang 74)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc bài 1.  - Cả lớp thảo luận theo cặp đôi làm bài 1 (SGK trang 74) vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu đại diện 1 cặp đôi làm nhanh nhất lên bảng trình bày.  - HS cả lớp quan sát, theo dõi.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV yêu cầu các HS dưới lớp nhận xét bổ sung bài làm của bạn trên bảng.  - GV và HS cùng đánh giá cho điểm bài làm. | **Bài 1 (SGK trang 74)**  **Giải:**  - Rễ cọc: bưởi, hồng xiêm, mít, ổi.  - Rễ chùm: lúa, tỏi, hoa huệ.  Bảng thống kê:     |  |  |  | | --- | --- | --- | | Loại rễ | Rễ cọc | Rễ chùm | | Số cây | 5 | 4 | |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Đọc bài 2 (SGK trang 74) phần luyện tập.  - Hoạt động cá nhân làm bài 2 (SGK trang 74)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc bài 2.  - Tất cả thành viên trong lớp làm bài 2 (SGK trang 74) vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 1 hs lên bảng trình bày.  - HS cả lớp quan sát, theo dõi.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV yêu cầu các HS dưới lớp nhận xét bổ sung bài làm của bạn trên bảng.  - GV và HS cùng đánh giá cho điểm bài làm. | **Bài 2 (SGK trang 74) Giải:**   | Huy chương | Vàng | Bạc | Đồng | | --- | --- | --- | --- | | Số học sinh | 2 | 2 | 2 | |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Đọc bài 9.11 (SBT trang 67).  - Hoạt động cá nhân làm bài 9.11 (SBT trang 67).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Đọc bài 9.11.  - Tất cả thành viên trong lớp làm bài 9.11 (SBT trang 67) vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 1 hs lên bảng trình bày.  - HS cả lớp quan sát, theo dõi.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV yêu cầu các HS dưới lớp nhận xét bổ sung bài làm của bạn trên bảng.  - GV và HS cùng đánh giá cho điểm bài làm. | **Bài 9.11 (SBT trang 67) Giải:**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thời gian  (phút) | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Số học sinh | 1 | 2 | 1 | 2 | 4 | 2 | 2 | |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm bài 9.9 câu a SGK trang 76.

- Đọc nội dung phần 2 SGK trang 74, 75.

**Tiết 2**:

**1. Hoạt động : Biểu đồ tranh**(35 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS biết thu thập dữ liệu, vẽ biểu đồ tranh, lập bảng thông kê từ biểu đồ tranh và ngược lại

**b) Nội dung:**

**-** HS đọc ví dụ 2 nắm được cách vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số lượng bàn thắng của mỗi bạn ghi được, vận dụng giải bài tập HĐ 3, HĐ4.

- HS biết dựa vào biểu đồ tranh lập được bảng thống kê thông qua ví dụ 3 SGK và được luyện tập qua bài tập luyện tập 2.

- Làm bài tập vận dụng SGK trang 75.

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải các bài tập: Ví dụ 2, HĐ 3, HĐ 4, ví dụ 3, luyện tập 2, bài tập vận dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS đọc và phân tích ví dụ 2 SGK trang 74.  - Rút ra phương pháp vẽ biểu đồ tranh dựa trên số liệu thống kê.  - Thực hiện HĐ 3, HĐ 4 SGK trang 75.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Cá nhân đọc và phân tích ví dụ 2 SGK trang 74 , gọi 1 HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi GV về các bước phân tích để hoàn thiện sơ đồ tranh.  - HS nghe GV hướng dẫn vẽ biểu đồ tranh qua số liệu thống kê.  - Hoạt động cá nhân vẽ biểu đồ tranh cho HĐ 3 SGK trang 75, HS cả lớp quan sát, nhận xét.  - HS hoạt động nhóm theo tổ thu thập số liệu theo hướng dẫn của GV cho HĐ 4 SGK trang 75.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV hướng dẫn HS vẽ biểu đồ tranh cho ví dụ 2 SGK trang 74.  - HS lên bảng vẽ biểu đồ tranh cho HĐ 3.  - HS hoạt động nhóm theo tổ cho HĐ4, thu thập số liệu thống kê và vẽ biểu đồ tranh cho từng tổ.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa cách vẽ biểu đồ tranh dựa trên bảng thu thập số liệu thống kê và ngược lại. Cách thu thập số liệu thông kê ban đầu . | Ví dụ 2:  Soccer ballVì ƯCLN(3,9,12) = 3 nên ta sẽ dùng biểu tượng biểu diễn cho 3 bàn thắng.  Số bàn thắng của Khanh ứng với 3 : 3 = 1 (biểu tượng);  Số bàn thắng của Tùng ứng với 9 : 3 = 3 (biểu tượng);  Số bàn thắng của Thắng ứng với 12 : 3 = 4 (biểu tượng).  Ta có biểu đồ tranh sau đây:   |  |  | | --- | --- | | Khanh | Soccer ball | | Tùng | Soccer ballSoccer ballSoccer ball | | Thắng | Soccer ballSoccer ballSoccer ballSoccer ball |   Soccer ball(Mỗi biểu diễn 3 bàn thắng )  HĐ 3:   |  |  | | --- | --- | | S | Shirt Shirt | | M | Shirt Shirt Shirt Shirt Shirt Shirt | | L | Shirt Shirt Shirt |   HĐ 4 : (Kết quả của từng tổ trên bảng nhóm) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS đọc và phân tích ví dụ 3 SGK trang 75.  - Từ biểu đồ tranh lập bảng thống kê số liệu ban đầu.  - Vận dụng làm bài tập luyện tập 2 SGK trang 75.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Cá nhân đọc và phân tích ví dụ 3 SGK trang 75.  - HS nghe GV hướng dẫn lập bảng thống kê số liệu ban đầu từ biểu đồ tranh của ví dụ 3 SGK trang 75.  - Hoạt động nhóm lập bảng thống kê theo yêu cầu cho luyện tập 2 SGK trang 75.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV hướng dẫn HS lập bảng số liệu thống kê cho ví dụ 3 SGK trang 75.  - HS hoạt động nhóm nhỏ lập bảng thống kê cho luyện tập 2 trên bảng nhóm.  - GV cho đại diện 1 nhóm HS lên trình bày, cho các nhóm còn lại nhận xét.  - GV cho HS rút ra cách lập bảng số liệu thống kê từ biểu đồ tranh và ngược lại.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS, lưu ý cách lập bảng số liệu thống kê từ biểu đồ tranh và ngược lại . | Ví dụ 3:   |  |  | | --- | --- | | Quỳnh |  | | Minh |  | | Giang |  | | Tiến |  |   (Mỗi ứng với 2 bông hoa)  - Số bông hoa mỗi bạn đã làm là :  Quỳnh : 2.2 = 4 (bông)  Minh : 2,5.2 = 5 (bông)  Giang : 5.2 = 10 (bông)  Tiến : 3.2 = 6 (bông)  - Bảng thống kê   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên HS | Quỳnh | Minh | Giang | Tiến | | Số bông hoa | 4 | 5 | 10 | 6 |   Luyện tập 2:  Bảng thống kê   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên món ăn | Phở | Bánh mì | Bún | Xôi | | Số bông hoa | 10 | 20 | 5 | 10 | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**(10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức đã học, HS có thể lập bảng số liệu thống kê ban đầu từ biểu đồ tranh và ngược lại.

**b) Nội dung:**

- HS giải quyết các bài tập vận dụng SGK trang 75.

**c) Sản phẩm:**

- Bài giải các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ 1**:

- Bài tập vận dụng SGK trang 75

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm làm bài tập vận dụng SGK trang 75.

- Đại diện nhóm lên trình bày bài giải của nhóm mình.

- HS cả lớp theo dõi và nhận xét.

- GV chốt cách lập bảng số liệu thống kê từ biểu đồ tranh và ngược lại.

**\* Giao nhiệm vụ 2**: Yêu cầu HS thực hiện cá nhân

- Xem lại các nội dung bài học và bài tập đã làm trong tiết học.

- Biết đọc và phân tích dữ liệu từ bảng thống kê, biểu đồ tranh; Biểu diễn dữ liệu vào bảng thống kê, biểu đồ tranh.

- Làm các bài tập 9.7; 9.8; 9.10 SGK trang 76.

- Chuẩn bị giờ sau: đọc trước nội dung bài 40 – Biểu diễn đồ cột, SGK trang 77; thước thẳng, bút màu.